

Dịch vụ công tác xã hội đối với phụ nữ nghèo trên thế giới và tại Việt Nam qua các nghiên cứu

Phạm Thị Hà Thương*

Tóm tắt: Quan niệm về nghèo không còn đơn thuần là nghèo về thu nhập mà nó bao hàm nghèo nhìn từ các khía cạnh khác trong cuộc sống con người qua các dịch vụ xã hội cơ bản như: sức khỏe, kiến thức, điều kiện sống. Như vậy, với cách tiếp cận nghèo đa chiều sẽ khắc phục được những nhược điểm trong phương pháp tiếp cận nghèo đơn chiều, đồng thời đáp ứng được nhu cầu thực tế mà người nghèo cần được trợ giúp. Mức độ nghèo theo từng khía cạnh là khác nhau giữa các địa phương, tùy thuộc vào chính sách kinh tế xã hội cũng như thứ tự ưu tiên của mỗi địa phương. Trong thực tiễn, phụ nữ nghèo thường bị hạn chế về tiếp cận với giáo dục, các dịch vụ y tế cũng như các loại hình sinh kế giúp cho phụ nữ thoát nghèo. Các nghiên cứu đã đề cập đến những dịch vụ công tác xã hội (DVCTXH) đối với phụ nữ nghèo như: cải thiện việc tiếp cận giáo dục, các chương trình tín dụng cho phụ nữ nghèo vay vốn khởi nghiệp và tạo việc làm cho phụ nữ. Đồng thời, nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả qua các DVCTXH đối với phụ nữ nghèo, nhân viên công tác xã hội cần đẩy mạnh việc thực hiện nguyên tắc tham gia, tự chủ, tính bền vững, và trao quyền trong việc thiết kế các chiến lược giảm nghèo và thúc đẩy hội nhập xã hội.

Từ khóa: Phụ nữ; Dịch vụ công tác xã hội; Phụ nữ nghèo.

Ngày nhận bài: 21/5/2020; ngày chỉnh sửa: 24/8/2020; ngày duyệt đăng: 10/9/2020.

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội (CTXH) có vai trò trong giảm nghèo bền vững, đóng góp đáng kể cho sự phát triển xã hội nhất là những người nghèo đã và đang phải đối

* ThS., Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

mặt với nhiều rủi ro trong cuộc sống. Và hơn hết, những người phụ nữ nghèo là đối tượng yếu thế, rất cần được hỗ trợ nhiều hơn nữa bởi những hoạt động CTXH chuyên nghiệp. Một số DVCTXH cần đưa ra để thúc đẩy việc làm cho lao động nữ như: Phát triển các hình thức dạy nghề và ngành nghề đào tạo ngắn hạn và dài hạn phù hợp lao động nữ, liên kết với các doanh nghiệp để dạy nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nữ; Kết hợp với nguồn lực, nguồn vốn tạo việc làm cho lao động nữ. Mặt khác việc kết nối phụ nữ nghèo với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, chính sách xã hội là việc quan trọng mà nhân viên CTXH cần thực hiện để những người phụ nữ nghèo có cơ hội được tiếp cận với các nguồn lực, được trao quyền mà cá nhân họ đáng được nhận. Như vậy, nhân viên CTXH cần có những hoạt động can thiệp cho những gia đình nghèo nói chung và phụ nữ nghèo nói riêng như: giúp gia đình kết nối được với các dịch vụ bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, hỗ trợ cho các thành viên gia đình có cơ hội có được việc làm và có thu nhập đảm bảo cuộc sống; thứ hai cần giúp gia đình kết nối với các thành viên trong họ hàng để tăng cường sự hỗ trợ về vật chất và tinh thần (Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai, 2014). Đồng thời, một số nghiên cứu nước ngoài chỉ ra rằng bất bình đẳng giới trong gia đình cũng là một trong những yếu tố khiến cho phụ nữ bị bạo lực và hạn chế khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực nhằm đảm bảo thoát nghèo bền vững.

CTXH ra đời trong xã hội công nghiệp, xã hội hiện đại với một sứ mạng là thúc đẩy sự phát triển xã hội, tăng cường chất lượng sống của con người và giúp đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người, đặc biệt quan tâm đến nhu cầu của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, những người bị áp bức và người nghèo. Sứ mạng của CTXH hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội, do chính quá trình phát triển của xã hội tạo ra, nhằm làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn (Lê Hải Thanh, 2011).

Theo Liên đoàn Nhân viên Công tác xã hội Quốc tế (International Federation of Social Workers, IFSW, 2014): “CTXH là nghề nghiệp dựa trên thực hành nhằm khuyến khích những thay đổi và phát triển xã hội, gắn kết xã hội, trao quyền và giải phóng con người. Các nguyên tắc về công bằng xã hội, quyền con người, trách nhiệm tập thể và tôn trọng sự đa dạng là trung tâm của nghề CTXH. Được củng cố bởi các lý thuyết về công tác xã hội, khoa học xã hội nhân văn và kiến thức địa phương, CTXH thực hành với con người và các thể chế để giải quyết những thách thức cuộc sống và nâng cao sức khỏe của cộng đồng”.

DVCTXH là những dịch vụ xã hội hướng đến nhóm đối tượng yếu thế để thực hiện các quyền cơ bản của con người trong phát triển bền vững. Các dịch

vụ CTXH hoạt động dưới nhiều hình thức, cụ thể hoá các luật pháp, chính sách nhà nước về các lĩnh vực phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục, pháp lý... cung cấp trợ giúp cho các cá nhân, nhóm, cộng đồng khắc phục các khó khăn, giảm thiểu những rào cản và bất bình đẳng xã hội (Bùi Thị Thanh Hà, 2015).

2. Một số nghiên cứu về dịch vụ CTXH đối với phụ nữ nghèo trên thế giới

Trên thế giới, những người làm CTXH lo ngại về tỷ lệ đói nghèo ngày càng tăng do người nghèo thiếu các cơ hội tiếp cận và sử dụng những nguồn lực. Ở cấp vi mô của thực hành CTXH, các nhân viên CTXH giúp người dân (cá nhân và cộng đồng) hiểu tình hình của họ và thay đổi hành vi và môi trường của họ. Đồng thời, một trong những vai trò quan trọng của nhân viên CTXH là thực hiện phương pháp phát triển cộng đồng nhằm giúp cộng đồng thoát nghèo. Với phương pháp này đòi hỏi nhân viên CTXH phải có kỹ năng phân tích cộng đồng, lập kế hoạch xã hội, tổ chức công đồng và hoạt động xã hội. Đồng thời, nhân viên CTXH còn giúp mọi người khám phá nguồn tài nguyên riêng của họ và khả năng để tạo những ảnh hưởng và thay đổi tích cực; kết hợp làm việc với các cá nhân và gia đình nghèo nhằm tăng cường năng lực cá nhân gia đình trong việc giảm nghèo bền vững.

Ở Thái Lan, các chương trình của Chính phủ Thái Lan kỳ vọng là sẽ giúp người nghèo hạn chế được những điều kiện khó khăn của họ: chính sách hỗ trợ y tế, chính sách tín dụng, tăng thu nhập cho người dân. Với chính sách tín dụng, Chính phủ Thái Lan đã tiến hành thực hiện chương trình "Quỹ làng một triệu baht". Quỹ làng là chương trình cho vay quy mô nhỏ lớn nhất mà Chính phủ Thaksin thực hiện ngay khi Đảng TRT cầm quyền năm 2001. Chương trình này đã gia tăng vai trò của người phụ nữ trong quá trình phát triển của làng xã. Phụ nữ trở thành một phần của các tổ chức Quỹ làng tương đương với nam giới, nhận được nhiều cơ hội hơn và có vai trò lớn hơn trong phát triển kinh tế của địa phương. Tại Philippin, Luật Cải cách xã hội và Chống đói nghèo số 8425 đã thực hiện được các chương trình trợ cấp xã hội cho các đối tượng nông dân bị mất đất canh tác, ngư dân, lao động làm việc trong những ngành phi chính thức, dân nghèo đô thị, các nhóm nghèo bị tổn thương trong xã hội như phụ nữ, trẻ em... (Nguyễn Duy Dũng, 2015).

Tại Bồ Đào Nha, Amelia Bastos và cộng sự (2009) đưa ra lý do dẫn đến nghèo là không phải do con người. Nghèo được xem là khái niệm bao gồm nhiều khía cạnh, không chỉ đề cập đến thu nhập mà còn là sự mất đi kinh tế và quá trình

phát triển xã hội. Nghèo không phải là một hiện tượng mới, xuất phát từ những thay đổi liên quan đến sự phát triển của việc tuyển dụng lao động nữ, cũng như sự chuyển biến diễn ra trong cấu trúc gia đình. Những sự thay đổi này như là ly hôn, phụ nữ lớn tuổi sống độc thân sẽ dẫn đến tình trạng nghèo đói. Bên cạnh đó, lý thuyết về nguồn vốn con người nhấn mạnh sự chênh lệch giữa nam và nữ trong việc đầu tư nguồn vốn con người (giáo dục, huấn luyện nghề nghiệp và kinh nghiệm làm việc) dẫn đến những kết quả khác nhau trong năng suất lao động và sự kiếm tiền của từng cá nhân. Nam giới được đầu tư vốn cho cuộc sống nghề nghiệp, còn nữ giới ưu tiên cho các hoạt động nội trợ trong gia đình. Nhà quản lý thường cho rằng phụ nữ tham gia lao động là hoạt động thứ yếu vì hoạt động chính họ quan tâm đến là gia đình. Vì vậy, các nhà quản lý ít có nhu cầu tuyển dụng lao động nữ hay trả lương thấp. Bên cạnh đó, nguồn kinh tế của mỗi cá nhân không đồng đều do vai trò trụ cột của các thành viên trong gia đình. Như vậy, tác giả đã nhấn mạnh đến vấn đề nghèo thường được cho là do thiếu tiếp cận các nguồn lực liên quan đến cuộc sống, tài sản và thu nhập dẫn đến tình trạng bị tước đoạt hoặc cũng có thể là các nguồn lực không liên quan đến vật chất như mức thu nhập không đồng đều hoặc là danh tiếng trong xã hội.

Ở Tanzania, Rachel Jaetan Sigalla và Stephen Carney (2012) cho rằng phụ nữ ở đô thị muốn giảm nghèo thông qua hình thức hoạt động kinh doanh nghĩa là đề cập đến chương trình cho vay nhỏ bao gồm các dịch vụ khác như giáo dục và trợ giúp luật pháp. Thông qua các chương trình này, NGOs cố gắng cung cấp cho phụ nữ nghèo những khoản vay nhỏ, tập huấn cho họ kỹ năng phát triển thu nhập, cung cấp thông tin sức khỏe và kỹ năng sống để giúp họ chăm sóc bản thân và gia đình tốt hơn. Đồng thời, chương trình vay vốn khởi nghiệp đòi hỏi phụ nữ phải độc lập, tự quyết và có quyền tham gia vào cộng đồng xã hội.

Tại Lào, Peter Warr và cộng sự (2015) đề cập đến các dịch vụ công cộng tại Lào như giáo dục, sức khỏe... là những dịch vụ cần quan tâm thực hiện cho các nhóm riêng biệt. Hai phần chính của chính sách này là chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng người mẹ và trẻ em. Mục tiêu chiến lược là mở rộng dịch vụ chăm sóc sức khỏe đến tất cả các cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em vùng sâu vùng xa được ưu tiên hàng đầu.

Ở Bangladesh, Shankor Paul và M. Rezaul Islam (2015) đề cập đến quyền phát triển và khả năng tiếp cận các dịch vụ công cộng của người có thu nhập thấp. Quyền được hiểu là hành động cho phép truy cập khi cần hay còn gọi là khả năng truy cập và lợi ích như: phụ nữ mang thai hoặc người tàn phế phải đối mặt với việc khó khăn đi lại trong vấn đề chăm sóc sức khỏe khi phải

di chuyển đến phòng khám hoặc bệnh viện. Phụ nữ bị bạo lực nhưng họ không đủ can đảm để liên lạc với chính quyền do họ thiếu kiến thức về luật và gặp trở ngại trong việc tìm kiếm sự bảo vệ từ luật. Đa số người dân không nắm được luật về quyền lợi của mình. Đàn ông hay đánh vợ và họ không biết rằng đó là bạo lực. Phụ nữ kết hôn sớm do ép buộc từ phía gia đình, họ không được lựa chọn bạn đời là lý do chính dẫn đến bạo lực về tâm lý. Phụ nữ đau khổ với việc kết hôn sớm, họ vẫn có tiếng nói trong những việc liên quan đến bản thân nhưng sự quan tâm đến họ vẫn còn rất thấp.

Đồng thời, trong hướng nghiên cứu của các tác giả nước ngoài, vấn đề sinh kế của phụ nữ cũng được quan tâm, mặc dù chưa được triển khai nhiều. Một trong những minh chứng là nghiên cứu “Các chiến lược sinh kế và các mạng lưới gia đình của những bà mẹ có lương thấp ở Wincosin” của Collin và Mayer (Võ Thị Cẩm Ly, 2016). Collin và Mayer đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để tìm hiểu công việc và cuộc sống gia đình của những người phụ nữ thu nhập thấp đang nhận hỗ trợ xã hội ở Wincosin (Hoa Kỳ). Những vấn đề mà các nhà nghiên cứu đề cập đến là: khó khăn trong môi trường làm việc mà họ phải đối mặt, chiến lược sinh kế mà họ đã sử dụng và các chương trình, mạng lưới hỗ trợ mà họ đang tham gia. Những phát hiện chính của nghiên cứu cho thấy, nhóm phụ nữ thu nhập thấp phải đối mặt với khó khăn về chỉ tiêu cho các nhu cầu tối thiểu của họ và gia đình dù họ đã làm việc cật lực với 40 giờ/tuần. Vì vậy, họ phải nhận sự hỗ trợ xã hội. Điểm đáng lưu ý mà nghiên cứu này nhấn mạnh là, các chương trình hỗ trợ vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các bà mẹ có lương thấp ở Wincosin nên họ phải dựa vào mạng lưới hỗ trợ của gia đình và bạn bè để duy trì công việc của mình.

3. Một số nghiên cứu về dịch vụ CTXH đối với phụ nữ nghèo tại Việt Nam

Các định hướng của UNESCO về giáo dục và giáo dục hoà nhập cho các đối tượng thiệt thòi như người khuyết tật, người nghèo, người thiểu số được xem như những giải pháp để thúc đẩy sự tham gia và hoà nhập xã hội một cách bền vững. Phạm Văn Quyết và Trần Văn Kham (2016) đã chỉ rõ hiệu quả của giáo dục và trường học công trong việc thúc đẩy sự hoà nhập của các nhóm yếu thế. Đồng thời, nhóm thiệt thòi là những người mà các hành vi xã hội của họ hoàn toàn “bất lợi” cho họ. Họ bị từ chối việc tiếp cận và sử dụng các phương diện cần thiết cho cuộc sống như: quyền tự chủ, trách nhiệm, lòng tự trọng, quyền được sự hỗ trợ của cộng đồng, các dịch vụ công cộng và an sinh xã hội. Thúc đẩy hoà nhập xã hội của nhóm thiệt thòi cũng chính là khắc phục việc

không tiếp cận được các phương tiện thiết yếu hoặc loại bỏ rào cản đối với sự tự cung tự cấp. Điều này có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức, tùy thuộc vào mô hình, yếu tố của họ, sẽ cho phép họ nâng cao vị thế để phát triển các công cụ hoặc các nguồn lực cần thiết của nhóm (Phạm Văn Quyết, Phạm Anh Tuấn, 2012).

Đặng Nguyên Anh (2013), đề cập đến các chương trình giảm nghèo được thực hiện đồng thời trên cả ba phương diện: Tăng cường tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở và nước sinh hoạt; hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo, phát triển ngành nghề, xuất khẩu lao động; Phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn. Để phát huy hiệu quả nguồn lực và nâng cao năng lực thị trường cho người nghèo, chương trình giảm nghèo cần được lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia; cần tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận thuận lợi và với chi phí thấp các dịch vụ xã hội có chất lượng nhằm giảm nguy cơ cho người nghèo khi gặp rủi ro. Tạo cơ hội ưu tiên cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ giáo dục, đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm, khám chữa bệnh, nhà ở, nước sạch,... thông qua thực hiện lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia.

Bên cạnh đó, khi phân tích các nhân tố tác động đến thu nhập của phụ nữ nghèo, tác giả Đỗ Phú Trần Tinh, Tô Lý Diễm Trúc (2012) cho rằng theo nhà kinh tế học người Nhật Harry T. Oshima, một trong những giải pháp quan trọng giúp các hộ phụ nữ nghèo thoát nghèo là giúp họ tiếp cận được vốn để sản xuất. Do đó, nhà nước cần quan tâm đến hoạt động của các tổ chức tín dụng nông thôn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, số phụ nữ có trình độ trung học cơ sở chiếm tỉ lệ cao nhất (48%), thứ hai nhóm phụ nữ có trình độ tiểu học (28%), thứ ba là nhóm phụ nữ có trình độ cao đẳng hay đại học (2%). Về nghề nghiệp, phụ nữ được khảo sát tham gia 3 nhóm nghề chủ yếu là buôn bán, công nhân và nội trợ trong gia đình. Nhóm nghề buôn bán chiếm tỷ trọng cao nhất (56%), nhóm nghề công nhân và nội trợ chiếm tỷ trọng như nhau (10% cho mỗi nhóm), còn lại là những nghề khác như thợ may, làm nhang... Về việc làm, đây là một vấn đề có quan hệ mật thiết đến thu nhập. Số liệu cho thấy 66% số phụ nữ trước khi vay có việc làm thường xuyên, 20% có việc làm không ổn định và 14% không có việc làm tạo ra thu nhập. Đồng quan điểm trên, Thái Phúc Thành (2013) cho rằng nhiều nghiên cứu đã đề cập đến vai trò của vốn con người (vốn nhân lực - được hiểu là tổng hoà các yếu tố thuộc về cá nhân con người như sức khoẻ, kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất mà con người tích lũy được từ giáo dục, đào tạo và làm việc.

Như vậy, với cách tiếp cận nghèo đa chiều sẽ khắc phục được những nhược điểm trong phương pháp tiếp cận nghèo đơn chiều, đồng thời đáp ứng được nhu cầu thực tế mà người nghèo, cận nghèo cần được trợ giúp. Đặng Nguyên Anh, Trần Nguyệt Minh Thu (2017) cho rằng người nghèo ở đô thị, trong đó có thành phố Hồ Chí Minh hiện đối mặt với nhiều bất lợi, trong đó hạn chế về nhân lực (vốn con người) là một thiếu hụt phổ biến. Đó là: già yếu, khuyết tật, đau bệnh kinh niên, phụ nữ đơn thân, đông con nhỏ, trình độ học vấn thấp, không có tay nghề chuyên môn phù hợp, vị thế cư trú hạn chế... Trong quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh, người nghèo với những bất lợi nói trên thiếu các điều kiện chuyên đổi sinh kế, khó theo kịp với những biến đổi đô thị. Vốn xã hội của người nghèo bị hạn chế do lối sống khép kín ở đô thị, do sự mặc cảm tự ti và bị loại trừ. Tình trạng thiếu các quan hệ xã hội (vốn xã hội) càng hạn chế khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản đối với người nghèo.

Hiện tại, các chương trình giảm nghèo lớn của Việt Nam đang được thiết kế theo hướng dựa trên nhu cầu và năng lực của chính các cộng đồng, các địa phương. Tuy nhiên, để các địa phương cũng như cộng đồng tự nhận thấy và khơi dậy được năng lực của mình, tự tìm các giải pháp để vươn lên thoát nghèo bền vững lại là điều không đơn giản, đặc biệt khi có một bộ phận người nghèo đã quen sống dựa vào sự hỗ trợ của nhà nước. Do vậy vai trò của các cán bộ CTXH là hết sức quan trọng với các lĩnh vực giảm nghèo, bởi bản thân các cán bộ CTXH không phải là người làm thay cho người nghèo mà là người giúp bản thân người nghèo nhận ra và phát huy tốt nhất năng lực của mình cũng như gia đình để từ đó vươn lên thoát nghèo bền vững (Nguyễn Thị Thu Hà, 2011).

Giới tính cũng có liên quan đến tình trạng nghèo trong đó, nữ có xu hướng bị nghèo nhiều hơn so với nam giới có cùng chỉ tiêu (Nguyễn Thị Minh và cộng sự, 2011). Điều này có thể do nữ không được đầu tư việc học nhiều như nam giới. Phụ nữ đang là một thành phần quan trọng trong kinh tế-xã hội nói chung và trong mỗi hộ gia đình nói riêng. Sự cách biệt lớn về tỷ lệ nghèo của nữ giới so với nam giới là một vấn đề đáng lo ngại và cần nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền. Chính vì vậy, nguyên nhân phụ nữ nghèo còn do bất bình đẳng giới trong gia đình vì nó có nguy cơ kìm hãm phát triển của phụ nữ ngoài xã hội xuất phát từ việc gia đình đầu tư ít vào giáo dục, đặc biệt là giáo dục ở bậc cao cho phụ nữ; việc phụ nữ dành nhiều thời gian hơn vào công việc gia đình có thể hạn chế sự đầu tư thời gian của họ cho công việc chuyên môn và hoạt động xã hội. Vũ Thị Thanh (2015) đã chỉ ra rằng các nghiên cứu ở Việt Nam có sự tồn tại rất lớn của bất bình đẳng trong gia đình thông qua một số chỉ báo như sự tham gia của nam giới và nữ giới vào các hoạt

động lao động trong gia đình, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực trong gia đình, bạo lực trong gia đình.

Trong những năm trở lại đây, tại thị trường lao động thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng lao động nữ đang có xu hướng gia tăng trong nhiều lĩnh vực, nhất là lao động kinh tế phi chính thức. Tác giả Lê Thị Dung (2015), nhấn mạnh đến vai trò của người phụ nữ trong xã hội hiện nay cũng đã thay đổi, người phụ nữ đã trở thành một chủ thể quan trọng trong đời sống gia đình. Cùng với đàn ông, người phụ nữ ngày nay đã đóng góp nguồn thu nhập chính cho gia đình. Sự tham gia lao động của phụ nữ đã góp phần nâng cao thu nhập gia đình và đóng góp nguồn thu nhất định cho xã hội. Đây cũng là một nguyên nhân khiến lao động nữ trong khu vực phi chính thức ngày một gia tăng. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nghiên cứu toàn diện đa chiều nhìn từ khía cạnh lao động nữ tại khu vực kinh tế phi chính thức nên vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trong việc thực hiện chính sách thoát nghèo đa chiều tại khu vực này.

Một nghiên cứu đáng lưu ý khác liên quan đến chủ đề sinh kế của phụ nữ là công trình “Mối liên hệ giữa nghèo đói và môi trường nhìn từ góc độ giới” (Nghiên cứu trường hợp tại hai xã của Hà Tĩnh). Nghiên cứu này đã chỉ ra mối liên hệ giữa nghèo đói, môi trường và giới trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh và xã Hương Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Nhìn từ góc độ giới, nhóm hộ gia đình phụ nữ làm mẹ đơn thân là chủ hộ vẫn chiếm tỷ lệ hộ nghèo cao nhất do thiếu người đàn ông trong lao động và chăm sóc gia đình. Thiếu đất canh tác là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng nghèo của các hộ gia đình phụ nữ làm mẹ đơn thân ngày càng trầm trọng hơn. Điều này bắt nguồn từ sự bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận đất đai giữa con trai và con gái trong gia đình Việt Nam do đất đai thừa kế thường dành cho con trai (Võ Thị Cẩm Ly, 2016).

4. Kết luận

Các nghiên cứu nước ngoài đã đề ra những dịch vụ cơ bản để hỗ trợ phụ nữ nghèo về: cải thiện việc tiếp cận giáo dục; các chính sách chăm sóc sức khỏe; các chương trình tín dụng cho phụ nữ nghèo vay vốn khởi nghiệp; tạo việc làm cho phụ nữ. CTXH có vai trò quan trọng trong việc giúp phụ nữ nghèo tự đánh giá được bản thân, nâng cao khả năng để họ nhìn nhận được điểm mạnh của mình trong việc thoát nghèo. Như vậy, để các DVCTXH đáp ứng được cho phụ nữ nghèo, nhân viên CTXH đẩy mạnh việc thực hiện nguyên tắc tham gia, tư chú, tính bền vững, và trao quyền trong việc thiết kế các chiến lược xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy hội nhập xã hội.

Những nghiên cứu trong nước ngày càng nổi lên trong bức tranh giảm nghèo ở Việt Nam. Đặc điểm chung của người nghèo đô thị có trình độ học vấn thấp cùng với ít cơ hội được tiếp cận với các nguồn lực giảm nghèo nên chưa thoát nghèo bền vững. Nhà ở và điều kiện sinh sống là một trong những chỉ báo xác định tình trạng nghèo của họ. Đồng thời, một số nghiên cứu nhấn mạnh đến việc tiếp cận chính sách tín dụng đối với phụ nữ nghèo đóng một vai trò quan trọng trong việc thay đổi sinh kế cho phụ nữ nghèo và giúp họ ứng phó được với các rủi ro từ cuộc sống. Bất bình đẳng giới trong gia đình cũng là một trong những yếu tố khiến cho phụ nữ bị bạo lực và hạn chế, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực nhằm đảm bảo thoát nghèo bền vững. CTXH có vai trò quan trọng trong việc giúp phụ nữ nghèo tự đánh giá được bản thân, nâng cao khả năng để họ nhìn nhận được điểm mạnh của mình trong việc thoát nghèo. Một số DVCTXH cần đưa ra để thúc đẩy thoát nghèo cho phụ nữ như: Phát triển các hình thức dạy nghề và ngành nghề đào tạo ngắn hạn và dài hạn phù hợp lao động nữ; Liên kết với các doanh nghiệp để dạy nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nữ; Kết hợp với nguồn lực, nguồn vốn tạo việc làm cho lao động nữ; Kết nối phụ nữ nghèo với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, chính sách xã hội hội và đảm bảo cơ hội tiếp cận các dịch vụ cơ bản.

Tài liệu trích dẫn

- Amélia Bastos, Sara F. Casaca, Francisco Nunes, Jose Pereirinha . 2009. Women and poverty: A gender-sensitive approach. *The Journal of Socio-Economics* 38, pp. 764–778
- Ayesha Khurshid. 2016. Domesticated gender (in) equality: Women's education & gender relations among rural communities in Pakistan, *International Journal of Educational Development* 51, pp. 43–50.
- Bùi Thị Thanh Hà. 2015. “Công tác xã hội trong đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội ở Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2, tr.58-65.
- Đặng Nguyễn Anh, Trần Nguyệt Minh Thu. 2017. “Nghèo đa chiều: Cách tiếp cận và vận dụng trong thực tiễn Việt Nam”. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 3, tr.3-13.
- Đặng Nguyễn Anh. 2013. “Bảo trợ xã hội ở Việt Nam: Khái niệm, thực trạng và giải pháp”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2, tr.3-10.
- Đỗ Phú Trần Tình, Tô Lý Diễm Trúc. 2012. “Phân tích các nhân tố tác động đến thu nhập của phụ nữ nghèo – nghiên cứu tại ngân hàng chính sách xã hội quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, số 264, tr.40-47.
- Lê Hải Thanh (chủ biên). 2011. Công tác xã hội đại cương. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lê Thị Dung. 2015. *Nghiên cứu nghèo đa chiều, từ khía cạnh lao động nữ khu vực kinh tế phi chính thức tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Duy Dũng. 2015. *Giải quyết an sinh xã hội của Thái Lan, Malaixia, Philippin và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thị Thái Lan, Bùi Thị Xuân Mai. 2014. *Giáo trình công tác xã hội cá nhân và gia đình*. Nxb. Lao động Xã hội.
- Nguyễn Thị Thu Hà. 2011. "Nhu cầu hoạt động CTXH trong một số lĩnh vực tại Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Xã hội học*, số 3, tr.58-72.
- Peter Warr, Jayant Menon, Sirithiroth Rasphone. 2015. Public Services and the Poor in Laos. *World Development* Vol. 66, pp. 371-382.
- Phạm Văn Quyết, Phạm Anh Tuấn. 2012. "Nhà nước Việt Nam với công tác hỗ trợ nhóm yếu thế". Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về Công tác xã hội và An sinh xã hội*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Văn Quyết, Trần Văn Kham. 2016. "Nghiên cứu hoà nhập xã hội của người thiệt thòi qua các công trình nghiên cứu xã hội học". *Tạp chí Xã hội học*, số 3, tr.76-84.
- Võ Thị Cẩm Ly. 2016. "Từ nghiên cứu về sinh kế đến những vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu sinh kế của phụ nữ làm mẹ đơn thân ở Việt Nam". *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 3, tr.37-44.
- Rachel Jactan Sigalla, Stephen Carney. 2012. "Poverty reduction through entrepreneurship: Microcredit, learning and ambivalence amongst women in urban Tanzania". *International Journal of Educational Development* 32, pp. 546-554.
- Shankor Paul, M. Rezaul Islam. 2015. *Ultra-poor char people's rights to development and accessibility to public services: A case of Bangladesh* Habitat International 48, pp. 113-121.
- Thái Phúc Thành. 2013. "Nâng cao vốn con người để giảm nghèo bền vững". *Tạp chí lao động và xã hội*, số 464 - 465.
- Nguyễn Thị Minh, Hoàng Thị Thanh Tâm, Phạm Hương Huyền. 2011. "Nghèo đa chiều và chất lượng quản lý của chính quyền địa phương". *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 174, tr. 45 - 51.
- Vũ Thị Thanh. 2015. "Bình đẳng giới ở Việt Nam qua các chỉ số trong báo cáo phát triển con người". *Tạp chí Nghiên cứu con người*, số 5, tr. 19-28.
- Võ Thị Cẩm Ly. 2016. "Từ nghiên cứu về sinh kế đến những vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu sinh kế của phụ nữ làm mẹ đơn thân ở Việt Nam". *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 3, tr. 37-44.
- International Federation of Social Workers. IFSW. 2014. Định nghĩa Toàn cầu về CTXH. <https://www.ifsw.org/what-is-social-work/global-definition-of-social-work>.